

Ngày soạn:
Ngày dạy: 02/1/2017

Tiết 54: ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: Ôn tập quy tắc lấy giá trị tuyệt đối của một số nguyên, qui tắc cộng trừ số nguyên, qui tắc dấu ngoặc. Ôn tập các tính chất phép cộng trong $\mathbb{Z}$.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thực hiện phép tính, tính nhanh giá trị biểu thức, tìm x .

3. Thái độ: Rèn luyện tính chính xác cho HS.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBDH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK,SGV,tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT,SGK,phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: (Xen vào bài mới)

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Ôn tập các quy tắc cộng trừ các số nguyên. <i>Giá trị tuyệt đối của một số nguyên a.</i> GV: Giá trị tuyệt đối của một số nguyên a là gì? HS: Nêu như (SGK) GV: Vẽ trục số minh họa GV: Nêu quy tắc tìm giá trị tuyệt đối của số 0, số nguyên dương, số nguyên âm? Cho VD? HS: Nêu quy tắc như (SGK) HS: Cho ví dụ, <i>Phép cộng trong $\mathbb{Z}$</i> <i>* Cộng hai số nguyên cùng dấu.</i> GV: Nêu qui tắc cộng hai số nguyên cùng dấu ? HS: Nêu quy tắc và thực hiện phép tính gv cho trên bảng <i>* Cộng hai số nguyên khác dấu.</i> GV: Nêu qui tắc cộng hai số nguyên khác dấu? HS: Nêu quy tắc và thực hiện phép tính gv cho trên bảng.	<u>I. Ôn tập các quy tắc cộng trừ các số nguyên.</u> <i>1. Giá trị tuyệt đối của một số nguyên a.</i> <i>* Định nghĩa: (SGK)</i> <i>* Quy tắc:</i> Giá trị tuyệt đối của số 0 là số 0, giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên dương là chính nó, giá trị tuyệt đối của 1 số nguyên âm là số đối của nó. <i>Ví dụ:</i> $0 = 0$ $3 = 3$; $-9 = 9$ <u>2. Phép cộng trong $\mathbb{Z}$</u> <i>* Cộng hai số nguyên cùng dấu: (SGK)</i> VD: $(-15)+(-20)=(-35)$ $(+19)+(31)=(+50)$ $-25 + +15 =25+15=40$ <i>* Cộng hai số nguyên khác dấu: (SGK)</i> VD: $(-30)+(+10)=(-20)$ $(-15)+(+40)=(+25)$

<u>Phép trừ trong Z</u> GV: Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b ta làm thế nào? Nêu công thức HS: Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b. HS: Nêu công thức, gv: Ghi bảng <u>Hoạt động 2:</u> Ôn tập tính chất phép cộng trong Z GV: Phép cộng trong Z có những tính chất gì? Nêu dạng tổng quát. HS: Nêu các tính chất bằng lời HS: Lên bảng trình bày lại các tính chất đó bằng công thức tổng quát. GV: So với phép cộng trong N thì phép cộng trong Z có thêm tính chất gì? HS: Có thêm tính chất cộng với số đối. GV: Các tính chất của phép cộng có ứng dụng thực tế gì? HS: Áp dụng các tính chất phép cộng để tính nhanh giá trị của biểu thức, để cộng nhiều số. <u>Hoạt động 3:</u> Luyện tập GV: Cho đề bài trên bảng và yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trường hợp có dấu ngoặc và không có dấu ngoặc. GV: Yêu cầu HS lên bảng trình bày bài giải. GV: Cho đề bài trên bảng và yêu cầu HS hoạt động nhóm. HS: Hoạt động nhóm theo yêu cầu GV: Quan sát, theo dõi hướng dẫn. HS: Đại diện lên bảng trình bày	$(-12)+ -50 =(-12)+50=38$ $(-24)+(+24)=0$ 3. <u>Phép trừ trong Z</u> Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b. $a-b = a+(-b)$ <u>II. Ôn tập tính chất phép cộng trong Z</u> * Tính chất giao hoán: $a + b = b + a$ * Tính chất kết hợp: $a + (b + c) = (a + b) + c$ * Cộng với số 0: $a + 0 = 0 + a = a$ * Cộng với số đối: $a + (-a) = (-a) + a = 0$ <u>III. Luyện tập</u> <u>Bài 1:</u> Thực hiện phép tính a. $(5^2+12)-9.3=10$ b. $80-(4.5^2-3.2^3)=4$ c. $[(-18)+(-7)]-15=-40$ <u>Bài 2:</u> Liệt kê và tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn: $-4 < x < 5$ Giải: $x=-3;-2;.....;3;4$
--	--

4. Củng cố - Luyện tập:

- GV nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm của chương và các bài tập cơ bản.
- Hướng dẫn học sinh về nhà ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kỳ I.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học sinh về nhà học bài và làm bài tập tương tự.
- Chuẩn bị làm bài kiểm tra học kỳ I.